ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 81 /TTr-UBND	*TP.Bắc Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2018.*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2 - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 535/2016/QĐ-UBND ngày 14/9/2016; Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 927/UBND-CN ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương điều chỉnh dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang;

CHỮ KÝ SỐ CQNN TỈNH BẮC GIANG
Ủy ban Nhân dân thành phố Bắc G
Ngày: 26/06/2018 14:49:53
Tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Công văn số 295/SKHĐT-ĐT, TĐ&GSĐT ngày 13/02/2018 của Sở Kế hoạch Đầu tư về việc sử dụng kinh phí dự phòng để thực hiện một số gói thầu thuộc Dự án: : Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 1027/SXD-QLXD ngày 30/5/2018 của Sở xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh, bổ sung dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ hồ sơ điều chỉnh bổ sung thiết kế cơ sở dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang do Công ty cổ phần Xây dựng và Môi trường Việt Nam lập;

UBND thành phố Bắc Giang trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt hồ sơ điều chỉnh, bổ sung dự án, Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang, với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang.

2. Nhóm dự án: Dự án Nhóm B.

3. Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

4. Chủ đầu tư: UBND thành phố Bắc Giang. Địa chỉ: Số 41, đường Ngô Gia Tự, Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, điện thoại: 02403.854.867.

5. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Bắc Giang. Địa chỉ: Số 08, đường Nghĩa Long, Phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, điện thoại: 02408.511.616.

6. Địa điểm xây dựng: Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

7. Giá trị tổng mức đầu tư: **40.541.000 USD.**

(Bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn đô la Mỹ)

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và vốn đối ứng.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

10. Các thông tin khác có liên quan: Không.

II. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ CƠ SỞ:

Điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở công trình: Xây lắp và lắp đặt thiết bị Trạm xử lý nước thải với lý do sau:

- Theo hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở thì nguồn tiếp nhận nước thải sau khi xử lý được đấu nối vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sông Thương), vì vậy chất lượng nước thải sau xử lý chỉ cần đảm bảo thấp hơn mức tối đa quy định tại cột B của Bảng số 1 tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT. Tuy nhiên nguồn nước sông Thương hiện đang được dùng để cấp nước đầu vào cho một số nhà máy cấp nước sạch vì vậy chất lượng nước thải sau xử lý của công trình Trạm xử lý phải đảm bảo thấp hơn mức

tối đa quy định tại cột A của Bảng số 1 tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT. Do đó, việc điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở cho phù hợp với thực tế là hết sức cần thiết.

- Việc điều chỉnh dự án tuân thủ theo Điều 61. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng - Luật xây dựng năm 2015 như sau: Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN:

1. Cải tiến công nghệ: Trạm xử lý nước thải đô thị được thực hiện theo công nghệ Bể sinh học cải tiến có xuất xứ từ Hoà Kỳ, đảm bảo xử lý nước thải đạt Cột A Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT. Dây chuyền thiết bị đồng bộ và phù hợp với mục tiêu của dự án.

2. Các hạng mục công trình

a) Nhà tiền xử lý: Thiết kế với công suất 30.000 m^3/ngđ cho dây chuyền công nghệ xây dựng mới (phù hợp với quy hoạch), dây chuyền công nghệ hiện trạng và dây chuyền công nghệ cho giai đoạn nâng công suất của trạm xử lý nước thải sau này. Nhà tiền xử lý gồm các phòng điều khiển, vận hành, phòng thiết bị và bể tách cát được hợp khối. Kích thước nhà tiền xử lý (từ tim trục) 31,50x17,67 m trong đó phần bể tách cát kích thước 19,22x12,52m, chiều cao bể tính từ đáy là 5,10 m, kết cấu bê tông cốt thép toàn khối; phần các khối nhà điều khiển, vận hành có kết cấu cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối. Móng là kết cấu móng cọc, bê tông cốt thép toàn khối. Hoàn thiện xây, trát, ốp, lát, sơn bả...

- Song chắn rác: Gồm song chắn rác cơ khí với lưu lượng chảy qua song khoảng 920m^3/h và song chắn rác tự động với lưu lượng chảy qua song khoảng 1.875m^3/h.

- Bể lắng cát (tách sạn): Nước thải đầu vào sau khi qua song chắn rác và tách dầu mỡ, được đưa qua bể lắng cát đứng để loại bỏ các hạt cặn vô cơ.

- Nhà xử lý rác và thu cát: Rác được ép nhỏ, cát được hút từ bể lắng cát, qua thiết bị tách nước và chuyển ra bãi thải theo quy định.

- Các hạng mục khác: Nhà tiền xử lý còn có các hạng mục khác như phòng điện, phòng điều khiển, phòng máy thổi khí 1 và 2, phòng xử lý mùi...

b) Bể tích hợp xử lý sinh học và lắng thứ cấp: Kích thước 46,86x19,1x6m kết cấu móng cọc, bê tông cốt thép toàn khối.

- Bể xử lý sinh học: Bể xử lý sinh học 3 quá trình (xử lý kỵ khí, xử lý thiếu khí, xử lý hiếu khí) được chia làm 6 vùng, mỗi vùng đều có chứa các giá thể vi sinh cố định (vật liệu mang) là nơi cư trú của vi sinh vật. Bên trên cùng được trồng các loại cây thích hợp là nơi cư trú của các loại vi sinh.

- Bể lắng thứ cấp: Bùn cặn được lắng, gạt bằng hệ thống cầu gạt bùn vào hố thu gom bùn (sâu 1,9m) và bơm về bể chứa bùn.

c) Hệ thống xử lý bùn:

- Bể chứa bùn: Kích thước 15,3x10,3x3,45m, kết cấu móng cọc, bể bê tông cốt thép toàn khối, bên trong có lắp đặt các đường ống cấp, thoát, ống thổi khí.

- Nhà xử lý bùn: Bùn sau khi được xử lý bằng thiết bị ép bùn và làm khô sẽ được vận chuyển ra bãi thải theo quy định. Kích thước nhà (từ tim trục) 19,4x7,5m, kết cấu móng đơn, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối. Xây trát, sơn bả hoàn thiện

d) Hệ thống khử trùng,

- Nhà clo: Sử dụng nhà clo hiện có của trạm, bổ sung cải tạo hệ thống định lượng clo. Lắp đặt thêm tháp trung hòa khí Clo để đảm bảo an toàn khi có sự cố xảy ra.

- Bể tiếp xúc khử trùng: Bể tiếp xúc khử trùng được xây mới được kết nối với bể khử trùng hiện trạng. Dung tích bể khoảng 330m^3, được xây dựng dạng hành lang, số lượng hành lang

- Hố bơm: Đặt tại ngăn cuối bể tiếp xúc khử trùng , trong đó bố trí các máy bơm bơm nước ra sông.

e) Cải tạo các bơm thu gom, trung chuyển nước thải:

Hiện tại trên toàn thành phố có 07 trạm bơm trung chuyển nước thải. Kết quả khảo sát cho thấy cần phải cải tạo 05 trạm bơm, bao gồm việc thay thế các máy bơm, van các loại, đường ống, tủ điều khiển, hệ thống điều khiển SCADA...

3. Các công trình phụ trợ khác

- Trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp 250 kVA.

- Sân đường nội bộ: Sân đường bê tông diện tích khoảng 1850m^2; vỉa hè lát gạch tự chèn có bố trí hố trồng cây diện tích khoảng 1550m^2.

- Hệ thống chiếu sáng: Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng, đèn cảnh quan toàn bộ khu vực trạm xử lý.

- Hệ thống cấp thoát nước nội bộ: Rãnh B400 xây gạch bê tông không nung.

- San nền: San nền với tổng diện tích khoảng 6.530 m^2, sử dụng đất cấp III đầm chặt.

- Hồ cảnh quan, cây xanh: Xây dựng tại vị trí ao hiện hữu, nạo vét, kè hồ ốp mái đá hộc với tổng chiều dài khoảng 140m. Bố trí cây xanh toàn bộ khu vực trạm xử lý.

IV. TỔNG MỨC ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN:

1) Giá trị hạng mục trạm xử lý nước thải điều chỉnh:

a) Giá trị hạng mục trạm xử lý nước thải đã được phê duyệt tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 16/9/2015: **5.429.839** USD.

(Năm triệu bốn trăm hai chín nghìn tám trăm ba chín đô la Mỹ./.)

Tương đương: **118.859.181.000** đồng.

(Một trăm mười tám tỷ tám trăm năm chín triệu một trăm tám mốt nghìn đồng./.)

(1USD = 21.890 đồng – Do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 15/9/2015).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	2.547.072 USD	~ 55.755.409.000 đồng
Chi phí thiết bị	2.020.844 USD	~ 44.236.270.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	56.144 USD	~ 1.228.989.000 đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	133.543 USD	~ 2.923.266.000 đồng
Chi phí khác:	26.396 USD	~ 577.811.000 đồng
Chi phí dự phòng:	645.840 USD	~ 14.137.436.000 đồng

b) Giá trị hạng mục trạm xử lý nước thải điều chỉnh tăng, giảm: - **56.437 USD**.

(Giảm: Năm mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đô la Mỹ./.)

Tương đương: - **1.228.457.000 đồng.**

(Giảm: Một tỷ, hai trăm hai tám triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng./.)

(1USD = 22.830 đồng - Do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 22/6/2018).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	- 985.241 USD	~ - 22.493.049.000 đồng
Chi phí thiết bị	877.385 USD	~ 20.030.704.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	- 1.326 USD	~ - 30.264.000 đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	-14.762 USD	~ - 337.008.000 đồng
Chi phí khác:	74.219 USD	~ 1.694.412.000 đồng
Chi phí dự phòng	- 6.713 USD	~ -153.252.000 đồng

c) Giá trị hạng mục trạm xử lý nước thải sau điều chỉnh: **5.149.835 USD**

(Năm triệu một trăm bốn chín nghìn, tám trăm ba mươi lăm đô la Mỹ)

Tương đương: **117.570.724.000** đồng.

(Một trăm mười bảy tỷ, năm trăm bảy mươi triệu, bảy trăm hai tư nghìn đồng)

(1USD = 22.830 đồng – Do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 22/6/2018).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	1.456.958 USD	~ 33.262.360.000	đồng
Chi phí thiết bị	2.815.023 USD	~ 64.266.974.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	52.507 USD	~ 1.198.724.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	113.283 USD	~ 2.586.259.000	đồng
Chi phí khác:	99.528 USD	~ 2.272.223.000	đồng
Chi phí dự phòng:	612.535 USD	~ 13.984.184.000	đồng

2) Tổng mức đầu tư của dự án sau khi điều chỉnh:

a) Tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 16/9/2015: **40.541.000 USD**.

(Bốn mươi triệu năm trăm bốn mốt nghìn đô la Mỹ./.)

Tương đương: **887.442.490.000 đồng**

(Tám trăm tám bảy tỷ bốn trăm bốn hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng./.)

(1USD = 21.890 đồng – Do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 15/9/2015).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	21.358.000	USD	~ 467.516.608.000 đồng
Chi phí thiết bị	7.387.000	USD	~ 161.699.558.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	347.000	USD	~ 7.591.306.000 đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.439.000	USD	~ 75.288.746.000 đồng
Chi phí BT GPMB:	1.241.000	USD	~ 27.160.014.000 đồng
Chi phí khác:	1.952.000	USD	~ 42.731.740.000 đồng
Chi phí dự phòng:	4.817.000	USD	~ 105.454.518.000 đồng

b) Tổng mức đầu tư của dự án sau khi điều chỉnh: **40.541.000 USD**.

(Bốn mươi triệu năm trăm bốn mốt nghìn đô la Mỹ./.)

Tương đương: **925.551.030.000 đồng**

(Chín trăm hai lăm tỷ, năm trăm năm mốt triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng./.)

(1USD = 22.830 đồng – Do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 22/6/2018).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	19.492.929	USD	~ 445.023.559.000	đồng
Chi phí thiết bị	7.960.152	USD	~ 181.730.262.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	331.189	USD	~ 7.561.041.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.166.027	USD	~ 72.280.405.000	đồng
Chi phí BT GPMB:	1.189.663	USD	~ 27.160.014.000	đồng
Chi phí khác:	1.916.205	USD	~ 43.746.952.000	đồng
Chi phí dự phòng:	6.484.836	USD	~ 148.048.797.000	đồng

V. CÁC NỘI DUNG KHÁC:

Thực hiện theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

UBND thành phố trình UBND tỉnh, sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phê duyệt để triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐND-UBND TP (để b/c);
- Lưu: VT, HSDA.

Bản điện tử:
- Đ/c Dương Văn Thái- PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Mai Sơn - CT TP (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Văn Thạo - PCT TP;
- Đ/c Thân Hải Nam - VPUBND tỉnh (để t/b);
- Ban QLDA ĐTXD số 02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thạo